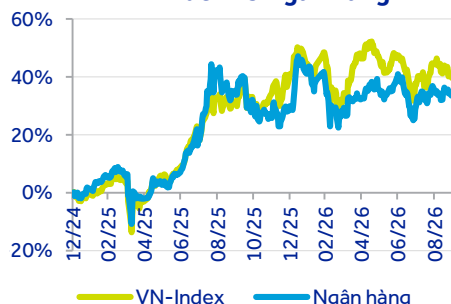


Cao Việt Hùng, CFA

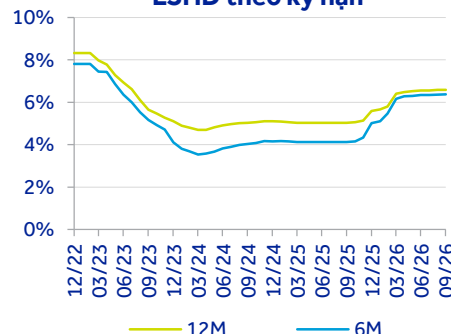
(028) 7300 7000 (ext: 1049)

hungcv@acbs.com.vn

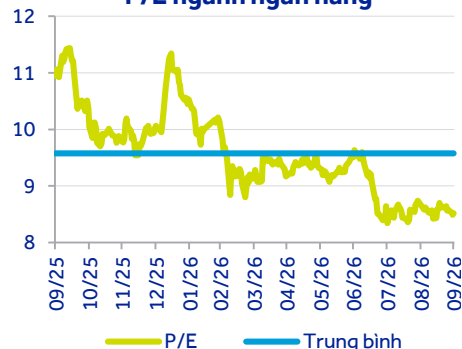
VN-Index vs Ngân hàng



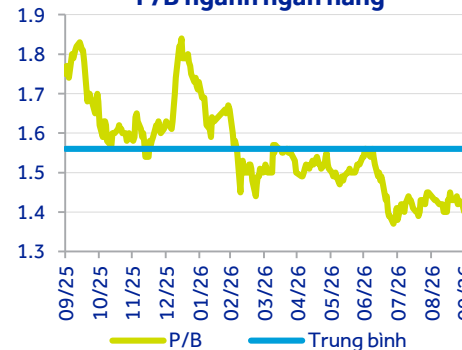
LSHĐ theo kỳ hạn



P/E ngành ngân hàng



P/B ngành ngân hàng



THÔNG TƯ 50/2026 THAY THẾ THÔNG TƯ 22/2019: NƠI LỒNG HƠN SO VỚI DỰ THẢO TRƯỚC ĐÓ

Ngày 30/9/2026, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ban hành Thông tư 50/2026 thay thế Thông tư 22/2019 về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, có hiệu lực từ tháng 12/2026.

Thông tư 50/2026 nổi lồng đáng kể so với dự thảo tháng 4/2026: trần LDR được nâng từ 85% lên 95%, mẫu số được cộng phần vốn vay ròng liên ngân hàng và lộ trình áp dụng LCR giãn thêm hai năm tới 2028 chính thức áp dụng. Dù LDR theo cách tính mới cao hơn hiện hành 3-13 điểm %, trần 95% giúp 8/9 ngân hàng chúng tôi theo dõi nằm trong ngưỡng. Thông tư mới khuyến khích các ngân hàng áp dụng sớm LCR và NSFR, qua đó tiến gần chuẩn mực quốc tế (Basel III). Nhìn chung, áp lực tuân thủ theo đó được giảm bớt đối với các ngân hàng, tạo dư địa hạ nhiệt lãi suất trong thời gian tới.

Chi tiết, Thông tư nâng trần LDR lên 95% và đổi cách tính, đồng thời chính thức áp dụng các tỷ lệ theo chuẩn Basel 3 là **LCR**, **NSFR** và **LEV**.

LDR vẫn là tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi, nhưng mẫu số (D) được tính lại theo hướng nguồn vốn ổn định. Tiền gửi của TCTD khác bị loại, thay bằng phần vay ròng liên ngân hàng. Trái phiếu chỉ được tính nếu đủ điều kiện vốn cấp 2. Bù lại, D được cộng VCSH (sau khi trừ TSCĐ và góp vốn mua cổ phần), trong khi tiền gửi có kỳ hạn của KBNN vẫn chỉ được tính 20%.

LCR là tỷ lệ tài sản thanh khoản cao (HQLA) trên dòng tiền ra ròng trong 30 ngày. HQLA cấp 1 gồm tiền mặt, tiền gửi tại NHNN và TPCP, không gồm tiền gửi tại TCTD khác. Tiền gửi có kỳ hạn bán lẻ bằng VND còn trên 30 ngày không bị tính vào dòng tiền ra nếu rút trước hạn chỉ được hưởng lãi không kỳ hạn.

NSFR là tỷ lệ nguồn vốn ổn định sẵn có (ASF) trên nguồn vốn ổn định yêu cầu (RSF). VCSH và nguồn vốn trên 1 năm được tính 100%, tiền gửi bán lẻ 90-95%, tiền gửi doanh nghiệp dưới 1 năm 50%, trong khi vốn từ TCTD dưới 6 tháng không được tính. Cho vay trên 1 năm có hệ số RSF 65-85%.

Tỷ lệ **LEV** (vốn cấp 1 trên tổng trạng thái rủi ro) chỉ áp dụng khi Thống đốc quyết định, thay vì ngưỡng 3% như dự thảo.

Nhìn chung, Thông tư chính thức **nới lỏng hơn** so với dự thảo trước đó, và áp dụng các chuẩn mực quốc tế theo lộ trình giúp các ngân hàng có nhiều thời gian áp dụng hơn trong quá trình chuyển đổi.

Mặc dù trần LDR mới lên tới 95% giúp phần lớn các ngân hàng tuân thủ, chúng tôi nhận thấy **các ngân hàng lớn** đang niêm yết nhiều khả năng sẽ tuân thủ sớm 100% các tỷ lệ thanh khoản trên (LCR và NSFR) theo đó được miễn tuân thủ LDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn. Trong khi **các ngân hàng nhỏ** nếu chưa thể sớm tuân thủ các chuẩn mực mới vẫn có khoảng thời gian chuyển đổi khá dài.

Việc nới lỏng so với dự thảo trước đó giúp các ngân hàng giảm bớt sức ép tuân thủ, theo đó tạo dư địa **hạ lãi suất** và **cải thiện tăng trưởng tín dụng** trong thời gian tới.

Lộ trình áp dụng các tỷ lệ thanh khoản mới

Các ngân hàng phải đáp ứng ngưỡng tối thiểu theo lộ trình kể từ ngày 01/10 các năm như sau:

	2028	2029	2030	2031	2032	2033
LCR	50%	60%	70%	80%	90%	100%
NSFR	90%	95%	100%			

Nguồn: NHNN

Ngân hàng được đăng ký áp dụng sớm LCR, NSFR theo lộ trình (trước 01/01/2028) hoặc ở ngưỡng 100% (trước 01/01/2033). Ngay khi chuyển sang khung mới, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (hiện là 40%) được miễn áp dụng và LDR được miễn khi đạt 100% cả LCR và NSFR, dù vẫn phải báo cáo định kỳ.

Tỷ lệ **LEV** (vốn cấp 1 trên tổng trạng thái rủi ro) chỉ áp dụng khi Thống đốc quyết định, thay vì ngưỡng 3% như dự thảo.

Cách tính LDR chính thức nới lỏng hơn dự thảo trước đó

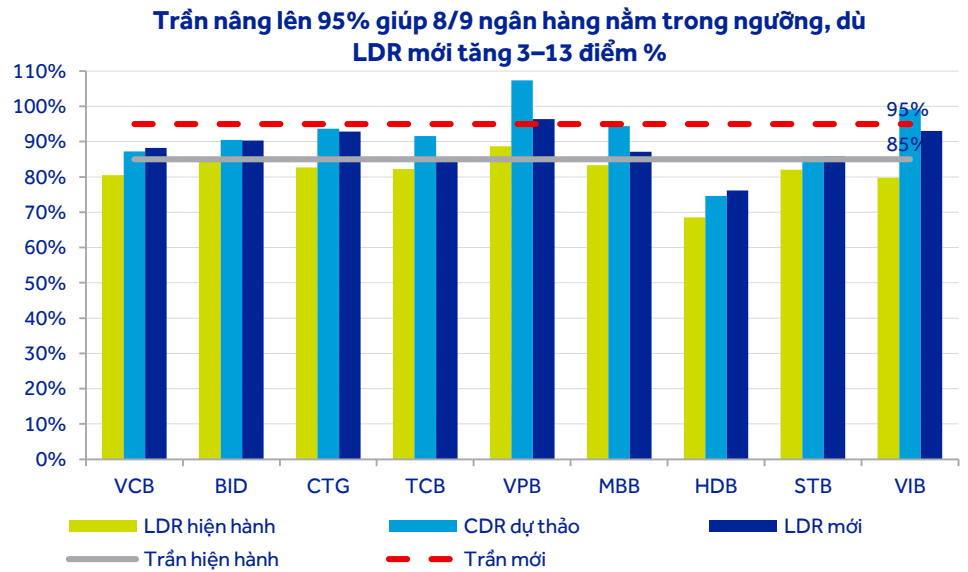
So với dự thảo, NHNN giữ tên gọi LDR và chuyển phần lớn điều chỉnh sang mẫu số. Sự khác biệt giữa hai cách tính được trình bày theo bảng dưới đây:

LDR hiện hành (trần 85%)	LDR mới (trần 95%)	ACBS đánh giá
Cho vay (L) = + Dư nợ cho vay khách hàng, không bao gồm cho vay TCTD + Ủy thác cho TCTD khác cấp tín dụng - Dư nợ cấp tín dụng bằng nguồn ủy thác - Vay nước ngoài - Vay tái cấp vốn NHNN	Cho vay (L) = + Dư nợ cho vay khách hàng (kể cả từ nguồn nhận ủy thác chịu rủi ro), không bao gồm cho vay TCTD + Ủy thác cho TCTD khác cho vay - Vay tái cấp vốn NHNN không nhằm hỗ trợ thanh khoản	- Vay nước ngoài chuyển sang cộng vào D thay vì trừ khỏi L. - Cấp tín dụng khác (chiết khấu, trả thay) và TPDN chuyển sang trừ khỏi D. => Tác động chung là L gần như không đổi.
Tiền gửi (D) = + Tiền gửi của cá nhân và tổ chức, bao gồm cả tiền gửi của TCTD khác + Chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu ngân hàng phát hành + 20% tiền gửi có kỳ hạn của KBNN (Thông tư 25/2026) - Tiền gửi ký quỹ và vốn chuyên dùng	Tiền gửi (D) = + Tiền gửi của cá nhân, tổ chức (kể cả CCTG), KHÔNG gồm TCTD khác + Vốn vay ròng (nếu dương) từ TCTD khác + Trái phiếu chỉ khi đủ điều kiện vốn cấp 2 , vay nước ngoài + 20% tiền gửi có kỳ hạn của KBNN + VCSH (trừ TSCĐ, góp vốn) và lợi nhuận chưa phân phối - Dư nợ TPDN, cấp tín dụng khác - Ký quỹ, vốn chuyên dùng	- Thay tiền gửi của TCTD khác bằng vốn vay ròng làm LDR tăng 8-26 điểm %, mạnh nhất ở VIB, VPB, CTG. - Cộng VCSH làm LDR giảm 6-13 điểm %, nhiều nhất ở TCB, VPB. - Tiền gửi KBNN vẫn tính 20%, không đổi so với hiện hành. => D giảm, LDR tăng 3-13 điểm %, nhưng trần nâng lên 95%.

Nguồn: NHNN, ACBS

(*): **Màu xanh**: làm giảm LDR, **màu đỏ**: làm tăng LDR

Nhìn chung, LDR theo cách tính mới sẽ **tăng**, chủ yếu do tiền gửi của TCTD khác được thay bằng vốn vay ròng liên ngân hàng. Tuy nhiên, với trần 95%, chỉ VPB vượt ngưỡng theo ước tính của chúng tôi, VIB và CTG ở sát trần (~93%).



Nguồn: các ngân hàng, ACBS ước tính theo BCTC Q2/2026 (HDB: Q1/2026, VPB: riêng lẻ), có thể chênh lệch với số ngân hàng công bố.

Chúng tôi nhận thấy, LDR tăng mạnh nhất ở các ngân hàng gửi ròng hoặc có vốn vay/gửi liên ngân hàng hai chiều lớn như VIB (+13,3 điểm %), CTG (+10,1 điểm %), VCB (+7,7 điểm %) và VPB (+7,7 điểm %), trong khi TCB, STB và MBB tăng ít nhất (3,2-3,9 điểm %). Với TCB, MBB và VPB, nếu phần lớn giấy tờ có giá là trái phiếu thường không đủ điều kiện vốn cấp 2, LDR mới có thể lên 105–112%, vượt trần 95%.

Thông tư 50/2026 nhìn chung tác động không đáng kể đến triển vọng KQKD của các ngân hàng

Chúng tôi đánh giá Thông tư mới nói lỏng cho các ngân hàng đăng ký sớm LCR/NSFR. Việc nâng trần LDR và bỏ tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn nói lỏng đáng kể ràng buộc thanh khoản cho các ngân hàng.

Đổi lại, khung LCR làm tăng nhu cầu nắm giữ TPCP. Hiện tại, tiền mặt, tiền gửi NHNN và TPCP hiện chỉ chiếm 3–11% tổng tài sản của 9 ngân hàng, trong khi tiền gửi tại TCTD khác (6–23% tổng tài sản) không được tính là HQLA. **Chúng tôi kỳ vọng thanh khoản dịch chuyển một phần từ tiền gửi liên ngân hàng sang TPCP và tín phiếu, tăng nhu cầu đầu tư TPCP và hỗ trợ nguồn vốn cho đầu tư công.**

Hệ số ASF gần tương đương cho tiền gửi bán lẻ ở mọi kỳ hạn giúp lãi suất huy động trung dài hạn có thêm dư địa hạ nhiệt, trong khi TPDN kém hấp dẫn hơn do bị trừ khỏi mẫu số LDR.

Ngân hàng	LDR mới	Vốn TCTD/ nguồn vốn	TG cá nhân/ TGKH	HQLA cấp 1/ TTS	VCSH/ TTS	Cho vay trung dài hạn/ dư nợ
VCB	88,2%	17,1%	48,7%	6,3%	9,4%	44%
BID	90,3%	11,7%	49,9%	7,1%	5,8%	39%
CTG	92,8%	17,5%	48,1%	4,8%	6,8%	37%
TCB	85,5%	15,7%	59,4%	11,2%	14,8%	59%
VPB	96,4%	26,2%	58,5%	4,0%	11,9%	60%
MBB	87,2%	19,0%	58,2%	5,5%	9,0%	50%
HDB	76,2%	17,4%	79,5%	5,7%	8,5%	50%
STB	85,8%	11,2%	80,2%	9,4%	7,0%	40%
VIB	93,0%	27,3%	62,9%	3,1%	8,2%	59%

Nguồn: các ngân hàng, ACBS ước tính.

Đối với từng ngân hàng, chúng tôi chưa điều chỉnh dự phóng lợi nhuận do tác động đến KQKD là không đáng kể. Về dài hạn, nhóm có lợi thế khi chuyển sang LCR/NSFR là các ngân hàng có tỷ trọng tiền gửi cá nhân cao và nắm giữ nhiều HQLA như STB và TCB. Ngược lại, VIB và VPB chịu áp lực khi LDR mới sát hoặc vượt trần 95%, vốn từ TCTD chiếm 26-27% nguồn vốn và HQLA cấp 1 chỉ 3-4% tổng tài sản. CTG gần như không được hưởng lợi (LDR mới 92,8% gần chạm ngưỡng), còn BID dù được nới LDR vẫn bị giới hạn bởi VCSH thấp nhất nhóm (5,8% tổng tài sản).

LIÊN HỆ

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu,
Phường Xuân Hoà, TP. HCM
Tel: (+84 28) 7300 7000

Chi nhánh Hà Nội

Số 10 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3942 9396

PHÒNG PHÂN TÍCH & CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Email: research.gr@acbs.com.vn
trangdm@acbs.com.vn

KHOİ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Trưởng phòng khối khách hàng định chế

Chu Thị Kim Hương
(+84 28) 7300 7000 (x1083)
huongctk@acbs.com.vn
groupis@acbs.com.vn

Giám đốc Xử lý giao dịch KHĐC

Nguyễn Trần Như Huỳnh
(+84 28) 7300 6879 (x1088)
huynhntn@acbs.com.vn

NGUYÊN TẮC KHUYẾN NGHỊ

MUA	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 20% so với giá thị trường.
KHẢ QUAN	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.
TRUNG LẬP	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) trong khoảng -10% và 10% so với giá thị trường.
KÉM KHẢ QUAN	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.
BÁN	: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 20% so với giá thị trường.

KHUYẾN CÁO

Vui lòng nhấp vào [đây](#) để xem toàn văn Khuyến cáo, bao gồm: Xác nhận của chuyên viên phân tích, Công bố thông tin quan trọng, Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm.

Trường hợp liên kết phía trên không hoạt động, vui lòng truy cập trực tiếp tại:
https://acbs.com.vn/acbsmedia/2026/07/KhuyenCao_VI.pdf